

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/HNGĐ-ST
Ngày 12-12-2019
V/v tranh chấp về ly hôn, về nuôi
con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trang Thái Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Thiện Khiêm;

Ông Nguyễn Hòa Nhẫn.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Tiến Danh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Đình Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Trần Thị D, sinh năm 1958.

Địa chỉ cư trú: khu phố X, thị trấn Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Có mặt

2. *Bị đơn:* ông Trần Văn Q, sinh năm 1940.

Địa chỉ cư trú: 15/44, khu phố X1, phường Y1, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: ấp X2, xã Y2, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05-8-2019 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị D trình bày: Bà D và ông Trần Văn Q tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y2, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 139 ngày 13-9-2011. Tuy nhiên, sau khi kết hôn thì bà D và ông Q không sống chung nhà, bởi

vì ai cũng có nhà riêng, hai nhà cách nhau khoảng 01km và cả hai chỉ ở chung khi có bệnh đau cần chăm sóc. Sống chung đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh, nguyên nhân là do không còn hợp nhau về tính tình và ông Q có tính cách sống gia trưởng; không biết quan tâm, chia sẻ với bà D. Từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Xét thấy thời gian ly thân đã lâu, đã hòa giải hàn gắn nhưng không thành và mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà D yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn Q.

Về con chung và tài sản chung: Bà D và ông Q không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Trước khi kết hôn với ông Q thì bà D có vay của Ngân hàng A (gọi tắt là ngân hàng) và Quỹ tín dụng nhân dân xã B (gọi tắt quỹ tín dụng) để đầu tư sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên quá trình kinh doanh bị thua lỗ nên bà D chưa trả nợ xong, đến hạn trả nợ thì bà D vay mượn tiền để trả cho ngân hàng và quỹ tín dụng rồi sau đó lại vay tiếp. Sau khi kết hôn với ông Q thì khi vay ông Q đứng tên người thừa kế cho đúng thủ tục chứ ông Q không sử dụng gì số tiền này. Do đó, số tiền 190.000.000 đồng là nợ đối với ngân hàng và nợ 300.000.000 đồng đối với quỹ tín dụng là nợ riêng của bà D. Do hợp đồng vẫn còn trong thời hạn vay, bà D và ngân hàng; quỹ tín dụng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra, không còn nợ ai khác.

Đối với bị đơn là ông Trần Văn Q đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ theo qui định của pháp luật, không đến Toà án trình bày ý kiến và vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn là đúng quy định của **Bộ luật Tố tụng dân sự**. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành và chưa thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ tố tụng. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Kiểm sát viên không phát hiện vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D đối với **ông Q**. Về con chung, tài sản chung và nợ chung có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bà D là người cao tuổi nên được miễn án phí theo qui định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ông Q không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu giải quyết ly hôn với ông Trần Văn Q, ông Q có đăng ký tạm trú và sinh sống tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu thụ lý, giải quyết là đúng theo qui định tại các Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, ông Q đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ nhưng ông Q vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Q. Ông Q phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ và không thực hiện nghĩa vụ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo qui định tại các Điều 6, Điều 72 và Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Trần Thị D và ông Trần Văn Q kết hôn tại UBND xã Y2, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 139 ngày 13-9-2011 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, bà D cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do không còn hợp nhau về tính tình; cách sống gia trưởng không biết quan tâm, chia sẻ của ông Q. Quá trình xác minh, thể hiện giữa bà D và ông Q không còn sống chung từ năm 2015 cho đến nay, phù hợp với lời khai của bà D trong quá trình giải quyết vụ án. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập hòa giải nhưng ông Q không đến cho thấy ông Q không có thiện chí hàn gắn với bà D. Do đó thấy rằng, hôn nhân giữa bà D và ông Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà D đối với ông Q là có cơ sở chấp nhận theo qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà D trình bày giữa bà D và ông Q không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4] Đối với khoản vay 300.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số: 190643 ngày 04-6-2019 với quỹ tín dụng và khoản vay 190.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số: 5708-LAV-201802115 ngày 31-7-2018 với ngân hàng của bà D, ông Q. Quá trình làm việc, ngân hàng và quỹ tín dụng tự thỏa thuận với bà D, ông Q, không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được miễn nộp án phí theo qui định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ông Q không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị D đối với ông Trần Văn Q. Bà D được ly hôn với ông Q.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà D và ông Q không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: Bà Trần Thị D được miễn nộp theo qui định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị D có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Văn Q có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Y2 (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trang Thái Châu